TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2024/HC-PT
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
V/v "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Lợi;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 286/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại";*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9565/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Đàm Văn L; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Anh P, Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn: Bà Dương Thị H - Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 01/3/2014). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn:

1. Ông Bùi Công T - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Hà Huy H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Ông Hoàng Việt T1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Văn H2 - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Hoàng T2 - Phó Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị T3; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T3: Ông Đàm Văn L; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2024). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Đàm Văn L trình bày:

Năm 1994, cụ Đàm Văn M (bố của ông) nhận giao khoán đất của Nông trường H (có Hợp đồng giao khoán nhưng đã bị thất lạc). Năm 2013, cụ Trần Thị T4 (mẹ của ông) đã chuyển quyền sử dụng đất nêu trên cho ông để làm nơi canh tác, xây dựng nhà ở. Gia đình ông đã sử dụng ổn định đất từ đó đến nay.

Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1778/QĐ-UBND *(viết tắt là Quyết định số 1778/QĐ)* về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông để thực hiện dự án: Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H *(viết tắt là Dự án)*; gia đình ông bị thu hồi tổng số 3.916,8m^2 đất gồm: Thửa đất số 14, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 844,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 15, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 264,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 236, mảnh trích đo TĐ-33, diện tích 2.808,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN).

Cùng ngày, UBND huyện H ban hành Quyết định 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án (đợt 2) *(viết tắt là Quyết định số 1812/QĐ)*; gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.380.780.000 đồng, bao gồm bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp và hỗ trợ di chuyển chỗ ở. Về tái định cư: Hộ gia đình ông không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở.

Ngày 06/8/2023, ông có đơn khiếu nại Quyết định 1812/QĐ với nội dung UBND huyện H không bồi thường giá trị đất và công trình trên đất đối với diện tích 264,6m^2 thuộc thửa đất số 15 cho gia đình ông là không đúng, đề nghị UBND huyện H hỗ trợ tiền thuê nhà ở khi gia đình không còn chỗ ở nào khác, hệ số bồi thường tại biểu tính chi tiết hỗ trợ cây Keo chủ không đúng, đề nghị xem xét hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông.

Ngày 22/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5599/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông (lần đầu) *(viết tắt là Quyết định số 5599/QĐ)*, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H.

Do đó, ông khởi kiện đề nghị Tòa án sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H và hủy Quyết định số 5599/QĐ của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Với các lý do sau:

Thứ nhất, diện tích 264,6m^2 thuộc thửa đất số 15 có nguồn gốc của cụ M nhận giao khoán của Nông trường H, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(viết tắt là GCNQSD đất)* nên đủ điều kiện để được bồi thường. Ông đề nghị được bồi thường, cụ thể: Về đất: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 11.113.200 đồng; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2 x 3 = 33.339.600 đồng; Tiền hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 11.113.200 đồng. Tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích đất này theo quy định là 55.566.000 đồng.

Thứ hai, ngôi nhà ông bị thu hồi là nhà 3A, nhưng biểu tính giá trị các công trình trên thửa đất số 15 lại xác định là nhà 3C. Theo Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh L thì trường hợp của ông Đàm Văn L phải được xác định là nhà 3A. Tại biểu tính bồi thường kèm theo Quyết định 1812/QĐ xác định giá trị các công trình của gia đình ông là 694.950.207 đồng. Trong đó chỉ bồi thường một số công trình xây dựng trước ngày 01/7/2014 là 611.340.785 đồng x 50% = 330.670.392 đồng. Gia đình ông còn 01 căn nhà xây năm 2013 được tính là 212.105.318 đồng và 01 căn nhà xây năm 2019 với giá trị 33.609.422 đồng không được bồi thường hỗ trợ là trái quy định pháp luật. Ông đề nghị bồi thường giá trị xây dựng với hệ số 100% là 699.175.401 đồng.

Thứ ba, UBND huyện H không hỗ trợ tiền thuê nhà ở, khi gia đình không còn chỗ ở nào khác, ngôi nhà trên diện tích đất bị thu hồi là chỗ ở duy nhất của gia đình. Ông đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà ở là 4.000.000 đồng / tháng.

Thứ tư, hệ số bồi thường tại biểu tính chi tiết hỗ trợ cây Keo chủ không đúng. Tổng lượng cây Keo chủ năm thứ 3 là 26.252 cây, trong đó 15.446 cây được bồi thường với hệ số 0,5; 7.723 cây chỉ được bồi thường với hệ số 0,1; 3.083 cây không được bồi thường hỗ trợ. Ông đề nghị bồi thường hỗ trợ với hệ số 100% toàn bộ số cây Keo chủ với tổng số tiền là 26.252 cây x 28.500 đồng/cây = 748.182.000 đồng.

Thứ năm, UBND huyện không cấp đất tái định cư cho gia đình ông là không đúng vì gia đình ông không còn nơi ở nào khác, không còn đất ở nào khác tại xã H, đề nghị cấp đất tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định.

Người bị kiện là UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H (do người đại diện) trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và ban hành Quyết định số 1778/QĐ về việc thu hồi đất đối với hộ ông Đàm Văn L, diện tích đất thu hồi là 3.916,8m^2, gồm: Thửa đất số 14, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 844,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 15, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 264,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 236, mảnh trích đo TĐ-33, diện tích 2.808,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); đồng thời ban hành Quyết định 1812/QĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong đó có hộ ông Đàm Văn L, theo đó gia đình ông Đàm Văn L được bồi thường tổng số tiền 1.380.780.000 đồng, bao gồm bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp và hỗ trợ di chuyển chỗ ở. Về tái định cư: Hộ gia đình ông L không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở.

Do không đồng ý với Quyết định số 1812/QĐ, ông Đàm Văn L có đơn khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất số 15, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 264,6m^2; xem xét lại giá trị các loại đất tại thửa đất số 14, số 15 mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 1.108,7m^2 theo giá đất trồng cây hàng năm khác với đơn giá 48.000 đồng/m^2; xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng trên đất và xem xét giao cho gia đình ông lô đất tái định cư theo quy định.

Quá trình giải quyết khiếu nại, UBND huyện H đã xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Đàm Văn L và xác định thửa đất số 14, số 15 tờ bản đồ trích đo địa chính số 32 và thửa đất số 236 tờ bản đồ trích đo địa chính số 33, chưa được cấp GCNQSD đất, các thửa đất trên đều có nguồn gốc là đất Nông trường. Năm 2014, cụ Trần Thị T4 chia cho để quản lý và sử dụng, theo bản đồ địa chính thửa đất thuộc thửa số 150 tờ bản đồ địa chính số 49 mục đích sử dụng đất vườn. Đối chiếu theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 5/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý *(viết tắt là Quyết định số 2278/QĐ)* theo quy hoạch là đất trồng cây lâu năm; xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ là đất trồng cây lâu năm. Đối với thửa số 15, gia đình ông Đàm Văn L không sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (xây dựng công trình nhà ở) nên không hỗ trợ về đất; về công trình: Hỗ trợ 50% giá trị công trình nhà ở do xây dựng tháng 4/2014 thuộc trường hợp xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, bồi thường 100% giá trị tường rào bao quanh căn cứ theo Thông báo số 687/TB-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh L về thông báo kết luận của đồng chí Lương Trọng Q - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề đánh giá tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm và xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn các huyện, thành phố (viết tắt là Thông báo số 687/TB).

Về tái định cư: Hộ ông Đàm Văn L không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư. Tuy nhiên, do hộ ông Đàm Văn L thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, gia đình có nguồn thu nhập không ổn định, việc tạo lập chỗ ở mới là rất khó khăn nên UBND huyện đã báo cáo UBND tỉnh. Tại Công văn số 1886/UBND-KT ngày 28/12/2023, UBND tỉnh L đồng ý áp dụng biện pháp hỗ trợ khác bằng việc giao cho hộ ông Đàm Văn L 01 ô đất ở với giá thu tiền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND với hệ số K = 1,5.

Vì vậy, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H xác định việc ban hành Quyết định số 1812/QĐ và Quyết định số 5599/QĐ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung các quyết định có căn cứ, phù hợp quy định của Luật Đất đai năm 2013 và quy định của Luật Khiếu nại. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn L là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 16/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn L đối với các yêu cầu sau:

- Sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2);

- Hủy Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của ông Đàm Văn L, trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2024, ông Đàm Văn L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H, hủy Quyết định số 5599/QĐ của Chủ tịch UBND huyện H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc sử dụng thửa đất số 15, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 264,6m^2 do bố ông L được nhận giao khoán từ năm 1994; đến năm 2013 mẹ ông L có giao đất cho ông L làm nơi canh tác và xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay, không có ý kiến nào của chính quyền địa phương.

Tại Tờ trình số 284/TTr-TNMT ngày 07/6/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, Thông báo số 281/TB-UBND ngày 10/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H đều thể hiện mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 15 là đất ở tại nông thôn; Tại Quyết định số 1812/QĐ xác định mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm nhưng không được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất này là không chính xác. Đề nghị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 15, diện tích 264,6m^2 đất cụ thể: Bồi thường về đất: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2; tiền hỗ trợ

đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2 x 3; Tiền hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: 264,6m^2 x 42.000 đồng/m^2.

Đối với công trình xây dựng trên đất, ngôi nhà của ông L bị thu hồi là nhà 3A, nhưng UBND huyện H lại xác định là nhà 3C là không chính xác, tại Biên bản kiểm đếm ngày 04/8/2022 đã xác định nhà ông L sử dụng là nhà 3A (chính) và có hiên bê tông cốt thép, phù hợp với quy định tại khoản 1 mục II Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh L. Đề nghị bồi thường giá trị ngôi nhà loại 3A là 87m^2 x 3.852.000đ/m^2.

Về tổng giá trị công trình trên đất bị thu hồi: Ông L đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ khác vào khoảng tháng 4/2014, khi xây dựng không bị nhắc nhở, không bị lập biên bản, không bị xử phạt vi phạm hành chính, đây là nơi ăn ở, sinh hoạt duy nhất của gia đình ông L. Đề nghị buộc UBND huyện H bồi thường, hỗ trợ với 100% giá trị ngôi nhà 3A và các công trình trên đất của gia đình ông L với tổng giá trị là 765.264.207 đồng.

Về hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm cư: Căn cứ khoản 2 Điều 17 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh L, nhà ông L phải được hỗ trợ tiền thuê nhà ở với số tiền 4.000.000 đồng/tháng (nhà loại 3) trong thời gian xây dựng nhà mới.

Về cấp đất tái định cư, đến nay gia đình anh L chưa nhận được văn bản nào liên quan đến tái định cư.

Quyết định giải quyết khiếu nại căn cứ vào Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có vi phạm như đã nêu trên, từ đó bác toàn bộ khiếu nại của ông L là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc và loại đất, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Đàm Văn L cho thấy thửa đất số số 15, tờ bản đồ trích đo địa chính số 32 chưa được cấp GCNQSD đất, có nguồn gốc là đất Nông trường, được xác định là đất nông nghiệp; gia đình ông Đàm Văn L không sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (xây dựng công trình nhà ở) nên không hỗ trợ về đất; Về công trình: Hỗ trợ 50% giá trị công trình nhà ở do xây dựng tháng 4/2014 thuộc trường hợp xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, bồi thường 100% giá trị tường rào bao quanh, các công trình xây dựng sau ngày 01/7/2014 không được bồi thường, hỗ trợ; Về tái định cư: Hộ gia đình ông L không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là

có căn cứ nên kháng cáo của ông Đàm Văn L là không có cơ sở chấp nhận;, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Đàm Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định*:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông L trong thời hạn luật định và hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử.

[1.3] Ngày 12/12/2023, ông Đàm Văn L khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H và hủy toàn bộ Quyết định số 5599/QĐ của Chủ tịch UBND huyện H. Xét thấy, đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính do cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực đất đai. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L; trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1778/QĐ về việc thu hồi đất đồng thời ban hành Quyết định 1812/QĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Việc ban hành các Quyết định trên được UBND huyện H thực hiện đúng quy định tại Điều 63, Điều 69, khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành Quyết định số 5599/QĐ của Chủ tịch UBND huyện H:

Ngày 06/8/2023, ông Đàm Văn L gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H. Ngày 21/9/2023 Chủ tịch UBND huyện H thụ lý khiếu nại lần đầu của ông Đàm Văn L. Sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, ngày

13/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H đã tiến hành đối thoại với ông Đàm Văn L. Ngày 22/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5599/QĐ giải quyết khiếu nại của ông Đàm Văn L. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011, tuy nhiên, thời hạn giải quyết khiếu nại có kéo dài theo quy định Điều 28 Luật Khiếu nại.

[2.3] Xét nội dung Quyết định số 1812/QĐ của UBND huyện H và Quyết định số 5599/QĐ của Chủ tịch UBND huyện H:

[2.3.1] Các thửa đất ông Đàm Văn L bị thu hồi có nguồn gốc là đất nông trường H giao khoán cho cụ Đàm Văn M, sau khi nông trường giải thể các hộ gia đình vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2014, ông Đàm Văn L nhận chuyển quyền các thửa đất bị thu hồi từ mẹ đẻ ông là bà Trần Thị T4, đến tháng 4/2014 xây dựng công trình nhà ở trên thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 32 và sinh sống ổn định cho đến khi bị Nhà nước thu hồi. Các thửa đất trên gia đình ông Đàm Văn L đều chưa được cấp GCNQSD đất.

[2.3.2] Theo bản đồ địa chính, thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 32 thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ địa chính số 49, mục đích sử dụng là đất vườn, Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý theo quy hoạch là đất trồng cây lâu năm. Căn cứ các tài liệu là Biên bản kiểm đếm, Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư xác định gia đình ông Đàm Văn L sử dụng đất để xây dựng công trình nhà ở từ năm 2014. Như vậy, hộ ông Đàm Văn L không sử dụng đất vào mục đích đất nông nghiệp, nên không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ theo quy định Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, không thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSD đất nên không được bồi thường theo quy định Điều 75 Luật Đất đai, do đó ông Đàm Văn L yêu cầu bồi thường về đất bị thu hồi đối với thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 32 là không có cơ sở.

[2.3.3] Do không được bồi thường, hỗ trợ về đất nên gia đình ông L không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Đàm Văn L bị thu hồi diện tích đất 3.916,8m^2 đất nông nghiệp (bao gồm cả diện tích 264,6m^2 thuộc thửa đất số 15) trên diện tích đất 5.850m^2 đang sử dụng trong đó có diện tích đất gia đình ông Đàm Văn L sử dụng làm nhà ở, hiện trên địa bàn xã H gia đình ông L không còn chỗ ở, nhà ở nào khác, nên UBND huyện H đã hỗ trợ để gia đình ổn định đời sống và sản xuất với số tiền 25.920.000 đồng và hỗ trợ di chuyển tài sản 5.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 17 Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L. Về hỗ trợ tiền thuê nhà ở: Hộ gia đình ông Đàm Văn L bị thu hồi đất nông nghiệp không phải là đất ở nên không được hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo quy định khoản 2 Điều 17 Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L, Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do đó yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà của ông L là không có cơ sở.

[2.3.4] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ công trình trên diện tích đất thuộc

thửa đất số 15: Do các công trình xây dựng trên đất nông nghiệp là trái phép nên không được bồi thường. Tuy nhiên, căn cứ Điều 25 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 17 Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L, ngày 26/12/2022, UBND tỉnh L đã ban hành Thông báo số 687/TB-UBND có nội dung: "*Hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường công trình vật kiến trúc tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường đối với các công trình xây dựng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 mà không bị UBND cấp xã lập biên bản xử lý vi phạm; không hỗ trợ đối với các công trình nhà ở vật kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường từ sau ngày 01/7/2014*". Theo Biên bản kiểm đếm xác định gia đình ông L có xây dựng nhà, nhà bếp và các công trình phụ trợ vào tháng 4/2014 nên được tính hỗ trợ với giá trị 50% đơn giá bồi thường; nhà xây năm 2019 không tính hỗ trợ là đảm bảo và phù hợp với Thông báo số 687/TB-UBND nêu trên; tại Biên bản kiểm đếm không thể hiện có nhà xây 2013, do đó ông Đàm Văn L yêu cầu được bồi thường thêm nhà xây năm 2013 và bồi thường toàn bộ công trình, vật kiến trúc tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường với hệ số 100% đơn giá là không có căn cứ.

[2.3.5] Đối với yêu cầu xác định nhà xây năm 2014 trên thửa đất số 15 là loại nhà 3A, thấy: Căn cứ quy định tại khoản 1 mục II Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và vật kiến trúc áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành theo Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh L, theo Biên bản kiểm đếm ngày 04/8/2022 thì nhà ông Đàm Văn L có đổ bê tông, cốt thép phần xây máng thượng không phải sàn mái hiên bằng bê tông cốt thép, do đó không đủ điều kiện xác định là nhà 3A, chỉ được xác định là nhà 3C. Nên ông L đề nghị xác định loại nhà là 3A và bồi thường hỗ trợ theo đơn giá 3.852.000 đồng là không có căn cứ.

[2.3.6] Về giao đất tái định cư: Hộ ông Đàm Văn L không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư. Tuy nhiên, do hộ ông Đàm Văn L thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, gia đình ông có nguồn thu nhập không ổn định, việc tạo lập chỗ ở mới là rất khó khăn nên UBND huyện đã báo cáo UBND tỉnh; tại Công văn số 1886/UBND-KT ngày 28/12/2023, UBND tỉnh L đồng ý áp dụng biện pháp hỗ trợ khác bằng việc giao cho hộ ông Đàm Văn L 01 ô đất ở với giá thu tiền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh L với hệ số K = 1,5 là phù hợp.

[2.4] Trên cơ sở đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện thấy rằng, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định; nội dung các quyết định đều có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc giải quyết khiếu nại còn chậm, chưa đúng với quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện H cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của ông Đàm Văn L là đúng quy định pháp luật. Xét nội dung kháng cáo của ông L vẫn như nội dung

khởi kiện tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn L.

[4] Về án phí: Kháng cáo của ông Đàm Văn L không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Đàm Văn L; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Ông Đàm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0006100 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận ông Đàm Văn L đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, P. HCTP.TANDCCHN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm